

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần (“TMCP”)
Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh**

*Các Báo cáo Tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và
Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán*

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	1 - 2
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối Kế toán	3 - 4
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	5
Báo cáo Lợi nhuận Để lại	6
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	7 - 8
Thuyết minh Các Báo cáo Tài chính	9 - 53

Số tham chiếu: 60752693/13521768

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc**
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lợi nhuận để lại và báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan và các thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (sau đây gọi tắt là "các báo cáo tài chính") như được trình bày từ trang 3 đến trang 53. Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

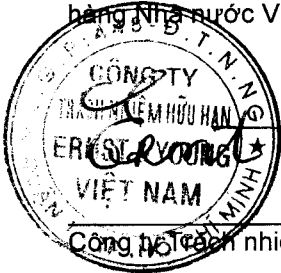
Ngoại trừ vấn đề được trình bày dưới đây, chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám Đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Vấn đề Ngoại trừ

Như được trình bày trong *Thuyết minh số 9.1 – Cổ phiếu chưa niêm yết của các TCTD khác do Ngân hàng nắm giữ* trên các báo cáo tài chính đính kèm, Ngân hàng đang nắm giữ các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu chưa niêm yết của các tổ chức tín dụng là 114.542 triệu đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008. Một số cổ phiếu này có khả năng bị suy giảm về mặt giá trị do sự giảm sút của thị trường chứng khoán trong năm. Tuy nhiên, Ngân hàng chưa tiến hành đánh giá và trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá chứng khoán đối với các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo quy định của Thông tư số 13/2006/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 2 năm 2006 do thiếu thông tin tin cậy về giá trị thị trường của các cổ phiếu này và do thiếu các hướng dẫn chi tiết của cơ quan chức năng cũng như các qui trình nội bộ của Ngân hàng để xác định giá trị hợp lý của các cổ phiếu này. Do những hạn chế về thông tin như nêu ở trên, chúng tôi không thể xác định được số tiền dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết này, nếu có, để phản ánh giá trị có thể thu hồi được của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, các báo cáo tài chính của Ngân hàng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính.



Ernst & Young Vietnam Ltd

Công ty TNHH Kiểm toán Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

W. T. Hoang Van

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0264/KTV

V. X. Minh

Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0923/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2009

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2008</i>	<i>ĐVT: triệu đồng</i> <i>Năm 2007</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng	3	135.310	319.552
Tiền gửi tại NHNN	4	382.124	388.351
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	5	1.939.755	1.709.527
Cho vay khách hàng		6.135.342	8.877.033
Cho vay khách hàng	6	6.175.404	8.912.366
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	7	(40.062)	(35.333)
Chứng khoán đầu tư	8	250.469	1.450.599
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		30.150	30.150
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		243.539	1.425.849
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(23.220)	(5.400)
Góp vốn, đầu tư dài hạn		253.151	128.929
Đầu tư dài hạn khác	9	254.094	128.929
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	9	(943)	-
Tài sản cố định		150.489	66.454
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>10.1</i>	<i>127.569</i>	<i>53.452</i>
Nguyên giá tài sản cố định		144.493	64.626
Hao mòn tài sản cố định		(16.924)	(11.174)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>10.2</i>	<i>22.920</i>	<i>13.002</i>
Nguyên giá tài sản cố định		23.546	13.314
Hao mòn tài sản cố định		(626)	(312)
Tài sản có khác		311.277	882.107
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	218.043	46.912
Các khoản lãi và phí phải thu	12	67.519	208.884
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	20.2	410	-
Tài sản có khác	13	25.305	626.311
TỔNG TÀI SẢN		9.557.917	13.822.552

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 42 là một phần của các báo cáo tài chính này

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: triệu đồng

	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	14	97.620	791
Tiền gửi của các TCTD khác	15	2.072.849	8.154.143
Tiền gửi của khách hàng	16	4.336.883	3.539.895
Phát hành giấy tờ có giá	17	1.264.861	760.786
Các khoản nợ khác		113.113	626.203
Các khoản lãi, phí phải trả	18	80.395	133.742
Các khoản phải trả và công nợ khác	19	31.862	489.009
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	7	856	3.452
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		7.885.326	13.081.818
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của TCTD		1.554.043	619.777
Vốn cổ phần		1.550.000	500.000
Thặng dư vốn cổ phần		4.043	119.777
Quỹ của TCTD		58.604	29.988
Lợi nhuận chưa phân phối		59.944	90.969
Vốn và các quỹ của TCTD	21	1.672.591	740.734
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.557.917	13.822.552

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	36	146.722	390.658
---	----	---------	---------

Người lập:



Bà Trịnh Thu Thảo
Phó phòng Kế toán Tài chính

Người phê duyệt:



Bà Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán Trưởng Kiểm
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Hữu Đăng
Phó Tổng Giám đốc

(* Theo Ủy quyền số 61/2009/QĐ-CTHĐQT ngày 26 tháng 2 năm 2009 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 42 là một phần của các báo cáo tài chính này

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	<i>Thuyết minh</i>	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
		<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	1.084.874	697.349
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	25	(970.679)	(486.748)
Thu nhập lãi thuần		114.195	210.601
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		80.024	55.535
Chi phí hoạt động dịch vụ		(7.178)	(2.904)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	72.846	52.631
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	15.723	5.606
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	(5.679)	(5.400)
Lãi thuần từ mua bán đầu tư dài hạn khác	29	7.375	-
Thu nhập từ hoạt động khác		1.024	2.556
Chi phí hoạt động khác		(165)	(42)
Lãi thuần từ hoạt động khác	30	859	2.514
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	9.084	3.563
Tổng thu nhập hoạt động		214.403	269.515
Chi phí hoạt động			
Chi phí tiền lương		(68.380)	(48.041)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	10	(7.141)	(4.095)
Chi phí hoạt động khác	32	(56.474)	(30.946)
		(131.995)	(83.082)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		82.408	186.433
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	7	(2.133)	(18.878)
Tổng lợi nhuận trước thuế		80.275	167.555
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(20.741)	(46.586)
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	20.2	410	-
Chi phí thuế TNDN		(20.331)	(46.586)
Lợi nhuận thuần trong kỳ		59.944	120.969
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	22		2.419

Người lập:

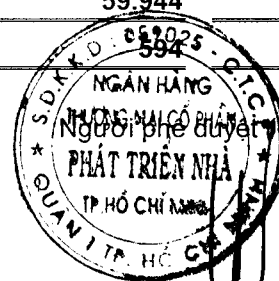


Bà Trịnh Thu Thảo
Phó phòng Kế toán Tài chính

Người phê duyệt:



Bà Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán Trưởng Kiểm
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Hữu Đăng
Phó Tổng Giám đốc

(* Theo Ủy quyền số 61/2009/QĐ-CTHĐQT ngày 26 tháng 2 năm 2009 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 42 là một phần của các báo cáo tài chính này

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LỢI NHUẬN ĐỀ LẠI

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: triệu đồng

	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	21.1	90.969	67.878
Lợi nhuận thuần trong kỳ		59.944	120.969
Lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối		150.913	188.847
<i>Trừ:</i>			
Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của kỳ trước	21.1	(40.669)	(19.440)
Chia cổ tức kỳ trước	21.1	(50.000)	(48.438)
Tạm ứng cổ tức kỳ này	21.1	-	(30.000)
Sử dụng trong kỳ (*)	21.1	(300)	-
Lợi nhuận còn lại để chia cuối kỳ	21.1	59.944	90.969

(*): Đây là khoản dự phòng nộp thuế được trích từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2007 theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Người lập:

Bà Trịnh Thu Thảo
Phó phòng Kế toán Tài chính

Người phê duyệt:

Bà Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán Trưởng Kiểm
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Hữu Đặng
Phó Tổng Giám đốc

(*) Theo Ủy quyền số 61/2009/QĐ-CTHĐQT ngày 26 tháng 2 năm 2009 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2009

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: triệu đồng

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế		80.275	167.555
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao TSCĐ	10	7.141	4.095
Dự phòng rủi ro tín dụng	7	2.133	18.878
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	8, 9	18.763	5.400
Lãi do thanh lý những khoản đầu tư, góp vốn dài hạn vào đơn vị khác, cổ tức nhận được		(16.459)	(2.663)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định	30	(425)	20
Các điều chỉnh khác		-	436
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		91.428	193.721
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Tăng các khoản tiền, vàng gửi và cho vay tại TCTD khác		(82.772)	(205.600)
Giảm/(tăng) các khoản về đầu tư chứng khoán		1.182.310	(1.180.150)
Giảm/(tăng) các khoản cho vay khách hàng		2.736.962	(6.234.834)
Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động		728.143	(839.644)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		96.829	(15.209)
(Giảm)/tăng các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác		(6.081.294)	6.924.094
Tăng tiền gửi của khách hàng		796.988	1.963.023
Tăng phát hành giấy tờ có giá		504.075	339.959
(Giảm)/tăng các khoản khác về công nợ hoạt động		(457.116)	500.074
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế TNDN		(484.447)	1.445.434
Thuế TNDN đã nộp	20.1	(24.485)	(41.064)
Chi từ các quỹ của TCTD	21.1	(12.053)	(5.429)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(520.985)	1.398.941
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Mua sắm TSCĐ		(248.664)	(15.008)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		600	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(165.730)	(81.405)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		50.000	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		7.024	2.663
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(356.770)	(93.750)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	21.1	885.828	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	21.1	(51.086)	(28.210)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		834.742	(28.210)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(43.013)	1.276.981
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	33	2.096.230	819.249
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	33	2.053.217	2.096.230

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 42 là một phần của các báo cáo tài chính này

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ

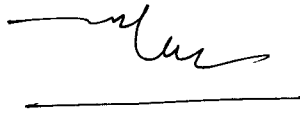
	Thuyết minh	ĐVT: triệu đồng	
		Năm 2008	Năm 2007
Tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần	21.1	119.777	-

Người lập:



Bà Trịnh Thu Thảo
Phó phòng Kế toán Tài chính

Người phê duyệt:



Bà Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán Trưởng Kiểm
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Hữu Đặng
Phó Tổng Giám đốc

(*) Theo Ủy quyền số 61/2009/QĐ-CTHĐQT ngày 26 tháng 2 năm 2009 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2009

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “HDBank” hoặc “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và hoạt động theo các Quyết định sau:

STT	Quyết định	Nội dung
1	Quyết định số 47/QĐ-UB ngày 11 tháng 2 năm 1989 của Ủy ban Nhân dân TPHCM	Thành lập Ngân hàng Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.
2	Quyết định số 102/QĐ-NH5 ngày 6 tháng 6 năm 1992 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	Ngân hàng được phép thực hiện các hoạt động nghiệp vụ bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước; vay vốn của các tổ chức tín dụng khác; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá; hùn vốn liên doanh; thực hiện dịch vụ thanh toán; thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được NHNN cho phép.
3	Quyết định số 217/QĐ-NH7 ngày 14 tháng 10 năm 1992 của NHNN	Ngân hàng được phép thực hiện các hoạt động kinh doanh ngoại tệ và làm dịch vụ ngân hàng bằng ngoại tệ bao gồm nhận tiền gửi ngoại tệ không kỳ hạn, có kỳ hạn và tiền gửi thanh toán của các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài; nhận tiền gửi tiết kiệm ngoại tệ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; vay và tiếp nhận nguồn vốn bằng ngoại tệ từ các tổ chức và cá nhân nước ngoài; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các doanh nghiệp có hoạt động kinh tế tại Việt Nam; mua bán các loại ngoại tệ theo tỷ giá do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định; làm dịch vụ kiều hối bằng ngoại tệ; thanh toán bằng ngoại tệ trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.
4	Công văn số 74/NHNN-CNH ngày 21 tháng 1 năm 2003 của NHNN	Ngân hàng được phép thực hiện một số nghiệp vụ hoạt động ngoại hối bao gồm bảo lãnh cho các khoản vay trong nước và nước ngoài bằng ngoại tệ; phát hành hoặc làm đại lý phát hành các giấy tờ có giá bằng ngoại tệ; chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố các thương phiếu và các giấy tờ có giá khác bằng ngoại tệ; cung ứng các dịch vụ tư vấn cho khách hàng về ngoại hối; kinh doanh vàng tiêu chuẩn quốc tế ở thị trường trong nước và thị trường nước ngoài.
5	Công văn số 437/NHNN.HCM02 ngày 21 tháng 1 năm 2003 của NHNN	Ngân hàng được phép thực hiện bổ sung 2 nghiệp vụ hoạt động ngoại hối bao gồm thanh toán quốc tế và mua bán các loại ngoại tệ ở thị trường nước ngoài.
6	Quyết định số 1002/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 5 năm 2007 của NHNN	Ngân hàng được phép kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Vốn Cổ phần

Số vốn cổ phần thực tế của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 là 1.550.000 triệu đồng (năm 2007: 500.000 triệu đồng) đã được góp đầy đủ bởi các cổ đông.

Kể từ ngày thành lập, vốn cổ phần của Ngân hàng được tăng lên qua các thời kỳ như sau:

Số vốn cổ phần tăng lên (triệu đồng)	Quyết định của NHNN/UBND	Ngày ban hành
3.000	Quyết định số 47/QĐ-UBND	Ngày 11 tháng 2 năm 1989
5.000	Quyết định số 102/QĐ-NH5	Ngày 6 tháng 6 năm 1992
10.008	Quyết định số 199/QĐ-NH5	Ngày 23 tháng 10 năm 1993
21.616	Quyết định số 71/QĐ-NH5	Ngày 18 tháng 4 năm 1994
42.074	Quyết định số 50/1998/QĐ-NHNN5	Ngày 22 tháng 1 năm 1998
49.726	Quyết định số 291/1998/QĐ-NHNN5	Ngày 27 tháng 8 năm 1998
59.726	Quyết định số 61/1999/QĐ-NHNN5	Ngày 20 tháng 2 năm 1999
70.026	Công văn số 677/ NHTP.2002	Ngày 12 tháng 6 năm 2002
150.023	Công văn số 2088/ NHNN-HCM.02	Ngày 10 tháng 12 năm 2004
200.259	Công văn số 1748/ NHNN-HCM.02	Ngày 12 tháng 8 năm 2005
300.000	Công văn số 2446/ NHNN-HCM.02	Ngày 27 tháng 12 năm 2005
500.000	Công văn số 1779/ NHNN-HCM.02	Ngày 19 tháng 12 năm 2006
1.000.000	Công văn số 931/ NHNN-HCM.02	Ngày 25 tháng 6 năm 2007
1.550.000	Công văn số 1682/ NHNN-HCM.02	Ngày 25 tháng 9 năm 2008

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính 2008 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày
Ông Nguyễn Hữu Thành	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2008
Ông Trần Hữu Thái	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2008
Ông Trần Văn Vĩnh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2008
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2008
Ông Lê Chí Hiếu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2008
Bà Đỗ Thị Hồng Dung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2008

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính 2008 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2009
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2009
Ông Phan Quốc Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2005
Bà Nguyễn Đoàn Duy Ái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2007
Ông Nguyễn Hữu Đặng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2007
Bà Phạm Thị Mỹ Chi	Kế toán Trưởng kiêm Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2007
Ông Nguyễn Mạnh Quân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 2 năm 2009

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Trụ sở

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 33-39 đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo công văn số 9210/NHNN-CNH ngày 14 tháng 10 năm 2008, Ngân hàng được chuyển một số bộ phận không kinh doanh của Trụ sở chính đến tòa nhà Abacus Tower số 58 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng có một (1) Trụ sở chính, mười ba (13) chi nhánh và mười chín (19) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 783 người (năm 2007: 668 người).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 *Cơ sở lập các báo cáo tài chính*

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng" hay "triệu VNĐ"), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 7 năm 2006 và 479/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính và các quy định có liên quan ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lợi nhuận để lại, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

2.2 *Năm tài chính*

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.3 *Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng*

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số Điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo các tỷ lệ theo quy định của Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4, giá trị của các khoản bảo lãnh, các cam kết cho vay không hủy ngang và các cam kết chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Ngân hàng đã trích và duy trì mức dự phòng chung bằng 0,30% của tổng số dư nợ cho vay từ nhóm 1 đến nhóm 4, giá trị của các khoản bảo lãnh và các cam kết chấp nhận thanh toán cho khách hàng (tương đương với 40,00% của tổng số cần phải trích là 0,75%) tại ngày 30 tháng 11 năm 2008.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Chi tiết về kết quả phân loại nợ và trích lập dự phòng theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN được trình bày tại Thuyết minh số 7.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 *Đầu tư vào chứng khoán*

2.5.1 *Các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn*

Chứng khoán được giữ cho đến khi đến hạn bao gồm các chứng khoán có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể và Ngân hàng dự định nắm giữ các chứng khoán này cho tới ngày đáo hạn. Các chứng khoán này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (đối với chứng khoán Nợ trả lãi sau) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán Nợ trả lãi trước), được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian ước tính còn lại của chứng khoán.

2.5.2 *Các chứng khoán sẵn sàng để bán*

Các chứng khoán sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn ngoài các loại nêu trên. Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán luôn được hạch toán theo giá gốc, trong khi chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được hạch toán theo giá gốc tại thời điểm mua. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (đối với chứng khoán Nợ trả lãi sau) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán Nợ trả lãi trước) được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính còn lại của chứng khoán.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán bị giảm giá trị khi có sự suy giảm “trọng yếu” hoặc “kéo dài” của giá trị hợp lý của tài sản thấp hơn so với nguyên giá hoặc khi có bằng chứng khách quan khác cho thấy khả năng giảm giá trị của tài sản. Việc xác định tính “trọng yếu” và “kéo dài” đòi hỏi đánh giá chủ quan và ước tính. Ngân hàng thường đánh giá sự suy giảm là trọng yếu khi mức độ suy giảm giá trị lớn hơn 20% và sự suy giảm được cho là “kéo dài” khi thời gian này lớn hơn 6 tháng. Ngoài ra, Ngân hàng cũng tính đến các nhân tố khác như sự biến động của giá cổ phiếu.

2.6 *Góp vốn, đầu tư dài hạn khác*

Góp vốn, đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn mà Ngân hàng có đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát trong các doanh nghiệp được đầu tư với số lượng đầu tư dưới 20% quyền biểu quyết và các khoản đầu tư vào các chứng khoán chưa niêm yết của các tổ chức tín dụng. Các chứng khoán này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và thời hạn thu hồi hoặc thanh vốn trên một năm theo quy định của Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN do NHNN ban hành ngày 10 tháng 7 năm 2006 và Công văn số 7459/NHNN-KTTC do NHNN ban hành ngày 30 tháng 8 năm 2006.

Góp vốn, đầu tư dài hạn khác được thể hiện theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu các doanh nghiệp mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 13/2006/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 2 năm 2006. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Ngoài ra, dự phòng giảm giá các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn vào các chứng khoán chưa niêm yết của các tổ chức tín dụng được lập theo giá trị thị trường tham khảo.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định là toàn bộ các chi phí trực tiếp đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí liên quan đến bổ sung, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được tất toán và bất kỳ các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.8 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	7 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm kế toán	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	3 - 10 năm

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng không được trích khấu hao trong trường hợp đất có thời hạn sử dụng là không xác định. Quyền sử dụng đất của Ngân hàng với thời hạn sử dụng xác định được khấu hao trong thời hạn được cấp.

2.9 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Ngân hàng thực nhận.

Phí và hoa hồng cũng được ghi nhận trên cơ sở dự thu, dự chi.

Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Hội đồng Quản trị của đơn vị được đầu tư thông qua và thông báo kế hoạch phân chia cổ tức.

2.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 41). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.12 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi thanh toán với Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc bằng hoặc dưới 3 tháng.

2.13 *Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng*

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, Tổ chức Tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại thuyết minh số 2.4. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán.

2.14 *Cẩn trừ*

Tài sản và công nợ tài chính được cẩn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cẩn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tắt toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

2.15 *Sử dụng các ước tính*

Trong quá trình lập các báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc có thực hiện các ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn trong các báo cáo tài chính. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này cần được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

2.16 *Lợi ích của nhân viên*

2.16.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

2.16.2 *Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc*

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

2.16.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc (tiếp theo)

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, các ngân hàng phải trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm cho nhân viên bằng 3,00%/năm trên lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 10,00% của lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ theo Thông tư 64/1999/TT-BTC nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư số 82/2003/TT-BTC.

Trong năm 2008, Ngân hàng đã thực hiện trích lập đầy đủ quỹ trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc làm theo Điều 42 Bộ Luật Lao động tương đương mỗi cán bộ công nhân viên được hưởng một nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc.

3. TIỀN MẶT, VÀNG

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Tiền mặt bằng VNĐ	54.486	24.823
Tiền mặt bằng ngoại tệ	20.754	10.845
Vàng tiền tệ	60.070	283.884
	<u>135.310</u>	<u>319.552</u>

4. TIỀN GỬI TẠI NHNN

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Tiền gửi thanh toán tại NHNN	<u>382.124</u>	<u>388.351</u>

Tiền gửi tại NHNN bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Theo quy định của NHNN, chỉ các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VNĐ và các khoản tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 8,50%/năm và 1,00%/năm tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Theo qui định của NHNN tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc được tính bằng 6,00% và 2,00% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 10,00% và 4,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng VNĐ có kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng đến 24 tháng; và bằng 7,00% và 3,00% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 10,00% và 4,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ cho kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng đến 24 tháng. Theo đó, mức dự trữ bắt buộc (bằng VNĐ và ngoại tệ) trung bình trong tháng 12 năm 2008 là 180.673 triệu đồng và 1.324.855 USD.

Trong năm, Ngân hàng tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

5. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Tiền gửi không kỳ hạn ("KKH") tại các TCTD khác (Thuyết minh số 5.1)	61.043	114.928
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn ("CKH") tại các TCTD khác (Thuyết minh số 5.2)	1.878.712	1.594.599
	1.939.755	1.709.527

5.1 Tiền gửi KKH tại các TCTD khác

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Tiền gửi KKH tại các TCTD trong nước bằng VNĐ	9.360	18.905
Tiền gửi KKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	24.485	81.054
Tiền gửi KKH tại các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	27.198	14.969
	61.043	114.928

5.2 Tiền, vàng gửi CKH tại các TCTD khác

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Tiền, vàng gửi CKH tại các TCTD khác có kỳ hạn dưới ba tháng		
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng VNĐ	1.395.000	1.217.000
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	-	43.509
Tiền gửi CKH tại các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	-	12.890
Vàng gửi CKH tại các TCTD trong nước	79.740	-
Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 33)	1.474.740	1.273.399
Tiền, vàng gửi CKH tại các TCTD khác có kỳ hạn trên ba tháng		
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng VNĐ	341.952	321.200
Vàng gửi CKH tại các TCTD trong nước	62.020	-
	403.972	321.200
	1.878.712	1.594.599

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

5. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC (tiếp theo)

5.2 Tiền, vàng gửi CKH tại các TCTD khác (tiếp theo)

Mức lãi suất tại thời điểm cuối năm của các khoản tiền, vàng gửi tại các TCTD khác như sau:

	<u>Năm 2008</u> <u>lãi suất/năm</u>	<u>Năm 2007</u> <u>lãi suất/năm</u>
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng VNĐ	từ 4,70% đến 18%	từ 7,10% đến 12%
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	không có	5,67%
Tiền gửi CKH tại các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	không có	từ 5,20% đến 5,30%
Vàng gửi CKH tại các TCTD trong nước	từ 5,00% đến 5,80%	không có

6. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	5.703.081	6.453.890
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	472.323	2.458.476
	<u>6.175.404</u>	<u>8.912.366</u>

Mức lãi suất cho vay khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	<u>Năm 2008</u> <u>lãi suất/năm</u>	<u>Năm 2007</u> <u>lãi suất/năm</u>
Cho vay bằng VNĐ	từ 11,55% đến 12,75%	từ 10,80% đến 15,00%
Cho vay bằng ngoại tệ	từ 8,00% đến 8,50%	từ 4,35% đến 7,80%
Cho vay bằng vàng	từ 8,00% đến 8,50%	từ 4,20% đến 7,80%

6.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Nợ đủ tiêu chuẩn	5.946.387	8.844.373
Nợ cần chú ý	110.086	40.086
Nợ dưới tiêu chuẩn	51.172	9.841
Nợ nghi ngờ	36.091	8.413
Nợ có khả năng mất vốn	31.668	9.653
	<u>6.175.404</u>	<u>8.912.366</u>

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

6. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

6.2 Phân tích dư nợ theo thời gian gốc của khoản vay

Nợ ngắn hạn có thời hạn đến 1 năm, trung hạn đến 5 năm và dài hạn trên 5 năm, chi tiết như sau:

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Nợ ngắn hạn	3.159.593	5.808.469
Nợ trung hạn	1.586.540	1.757.820
Nợ dài hạn	1.429.271	1.346.077
	<u>6.175.404</u>	<u>8.912.366</u>

6.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	<u>Năm 2008</u>		<u>Năm 2007</u>	
	<u>triệu đồng</u>	<u>%</u>	<u>triệu đồng</u>	<u>%</u>
Cho vay cá nhân	3.550.503	57,49	6.612.165	74,19
Cho vay các tổ chức kinh tế				
Công ty TNHH tư nhân	1.121.474	18,16	1.263.619	14,18
Doanh nghiệp tư nhân	124.421	2,01	145.786	1,64
Doanh nghiệp nhà nước trung ương	101.130	1,64	35.457	0,40
Doanh nghiệp nhà nước địa phương	43.773	0,71	37.798	0,42
Công ty TNHH nhà nước	8.244	0,13	8.829	0,10
Công ty cổ phần nhà nước	4.821	0,08	12.048	0,14
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.134	0,02	1.750	0,02
Kinh tế tập thể	356	0,01	96.778	1,09
Công ty hợp danh	-	-	30.000	0,34
Công ty cổ phần khác	1.219.548	19,75	668.136	7,50
	<u>6.175.404</u>	<u>100,00</u>	<u>8.912.366</u>	<u>100,00</u>

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

6. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

6.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	Năm 2008		Năm 2007	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	3.564.135	57,73	6.301.050	70,70
Xây dựng	1.283.896	20,79	730.593	8,20
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	285.258	4,62	284.797	3,20
Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc	276.711	4,48	183.203	2,06
Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình	213.225	3,45	806.467	9,05
Sản xuất và phân phối điện khí đốt và nước	169.250	2,74	213.347	2,39
Công nghiệp chế biến	104.478	1,69	129.966	1,46
Nông nghiệp, lâm nghiệp	81.824	1,32	131.513	1,48
Các hoạt động liên quan kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	64.792	1,05	14.396	0,16
Khách sạn và nhà hàng	45.981	0,74	38.792	0,44
Hoạt động tài chính	28.610	0,46	15.065	0,17
Hoạt động văn hóa thể thao	25.044	0,41	21.934	0,25
Hoạt động khoa học và công nghệ	15.649	0,25	9.078	0,10
Giáo dục và đào tạo	8.012	0,13	5.274	0,06
Thủy hải sản	6.402	0,10	9.356	0,10
Quản lý nhà nước và an ninh quốc phòng, Đảng, đoàn thể, đảm bảo xã hội bắt buộc	1.101	0,02	7.748	0,09
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	1.036	0,02	7.402	0,08
Hoạt động các tổ chức và đoàn thể Quốc tế	-	-	2.135	0,02
Công nghiệp khai thác mỏ	-	-	250	0,00
	6.175.404	100,00	8.912.366	100,00

7. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG VÀ CHO CÔNG NỢ TIỀM ẨN VÀ CAM KẾT NGOẠI BẢNG

	ĐVT: triệu đồng	
	Năm 2008	Năm 2007
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		
Dự phòng cụ thể	23.325	10.129
Dự phòng chung	16.737	25.204
	40.062	35.333
Dự phòng rủi ro tín dụng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	856	3.452
	40.918	38.785

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

7. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG VÀ CHO CÔNG NỢ TIỀM ẨN VÀ CAM KẾT NGOẠI BẢNG (tiếp theo)

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm 2008 bao gồm các khoản sau:

ĐVT: triệu đồng

	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu kỳ	10.129	28.656	38.785
Số tiền đã trích trong kỳ	14.289	13.692	27.981
Số hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.093)	(24.755)	(25.848)
Số dư dự phòng rủi ro tại ngày 30 tháng 11	23.325	17.593	40.918
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro ("XLRR") trong tháng 12	-	-	-
Số dư cuối kỳ	23.325	17.593	40.918

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm 2007 bao gồm các khoản sau:

ĐVT: triệu đồng

	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu kỳ	3.426	16.045	19.471
Số tiền đã trích trong kỳ	19.849	28.998	48.847
Số hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(13.582)	(16.387)	(29.969)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	436	-	436
Số dư dự phòng rủi ro tại ngày 30 tháng 11	10.129	28.656	38.785
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12	-	-	-
Số dư cuối kỳ	10.129	28.656	38.785

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và theo Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng nội bộ của Ngân hàng. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ và số dư bảo lãnh trên tài khoản ngoại bảng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2008.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

7. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG VÀ CHO CÔNG NỢ TIỀM ẨN VÀ CAM KẾT NGOẠI BẢNG (tiếp theo)

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2008 và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng cần phải trích lập theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>			
	<u>Ngày 30 tháng 11 năm 2008</u>	<u>Dự phòng cụ thể</u>	<u>Dự phòng chung</u>	<u>Tổng số dự phòng</u>
Dư nợ cho vay				
Nợ đủ tiêu chuẩn (*)	5.467.646	-	40.306	40.306
Nợ cần chú ý	118.875	1.759	892	2.651
Nợ dưới chuẩn	46.001	2.478	345	2.823
Nợ nghi ngờ	39.846	6.582	299	6.881
Nợ có khả năng mất vốn	24.725	12.506	-	12.506
	<u>5.697.093</u>	<u>23.325</u>	<u>41.842</u>	<u>65.167</u>
Cam kết ngoại bảng được tính dự phòng chung	<u>285.142</u>	-	<u>2.139</u>	<u>2.139</u>
		<u>23.325</u>	<u>43.981</u>	<u>67.306</u>

(*) Trong đó dư nợ cho vay ủy thác là 93.430 triệu đồng. Tổ chức tín dụng ủy thác chịu rủi ro cho các khoản vay này.

Tình hình số dư dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2008 như sau:

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>		
	<u>Dự phòng cụ thể</u>	<u>Dự phòng chung</u>	<u>Tổng số dự phòng</u>
Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN	23.325	43.981	67.306
Số thực tế Ngân hàng đã hạch toán	<u>23.325</u>	<u>17.593</u>	<u>40.918</u>
Số dự phòng chưa hạch toán đủ	<u>-</u>	<u>26.388</u>	<u>26.388</u>

Trong 2008, Ngân hàng đã trích đủ dự phòng cụ thể. Số dự phòng chưa hạch toán đủ tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2008 là 26.388 triệu đồng là của dự phòng chung. Tuy nhiên, Điều 9 của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN cho phép Ngân hàng trích lập đủ dự phòng chung trong thời gian 5 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực (từ tháng 5 năm 2005).

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

8. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (<i>Thuyết minh số 8.1</i>) Chứng khoán Vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	30.150	30.150
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (<i>Thuyết minh số 8.2</i>) Chứng khoán Chính phủ	143.539	145.849
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	100.000	1.280.000
	243.539	1.425.849
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán (<i>Thuyết minh số 8.1</i>)	(23.220)	(5.400)
	250.469	1.450.599

8.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chi tiết các khoản chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>			
	<u>Năm 2008</u>		<u>Năm 2007</u>	
	<i>Giá trị theo mệnh giá</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá trị theo mệnh giá</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam	<u>9.000</u>	<u>30.150</u>	<u>9.000</u>	<u>30.150</u>

Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Số dư đầu kỳ	5.400	-
Trích lập trong kỳ	17.820	5.400
Hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	23.220	5.400

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

8. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

8.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	Năm 2008		DVT: triệu đồng Năm 2007	
	Giá trị theo mệnh giá	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo mệnh giá	Giá trị hiện tại
Trái phiếu và kỳ phiếu Chính Phủ	143.439	143.439	145.647	145.647
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	100.000	100.000	1.280.000	1.280.000
Công trái Giáo dục của Chính Phủ	100	100	202	202
	243.539	243.539	1.425.849	1.425.849

Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành bao gồm chứng chỉ tiền gửi do Ngân hàng TMCP Kỹ Thương phát hành có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất 8,6%/năm (năm 2007: từ 8,40%/năm đến 9,52%/năm).

Trái phiếu và kỳ phiếu Chính phủ do Kho bạc Nhà nước phát hành có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất từ 8,45% đến 8,75%/năm (năm 2007: từ 8,45% đến 8,75%/năm). Tiền lãi được thanh toán hàng năm.

Công trái giáo dục của Chính phủ có thời hạn 5 năm và có lãi suất 8,20%/năm (năm 2007: từ 8,00%/năm đến 8,20%/năm), lãi được trả vào ngày đáo hạn.

Ngân hàng dự định giữ các chứng khoán này cho đến ngày đáo hạn.

9. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết góp vốn, đầu tư dài hạn khác của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	DVT: triệu đồng	
	Năm 2008	Năm 2007
Cổ phiếu chưa niêm yết của các tổ chức tín dụng khác do Ngân hàng nắm giữ (Thuyết minh số 9.1)	114.542	3.793
Góp vốn, đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh số 9.2)	139.552	125.136
	254.094	128.929
Dự phòng giảm giá cổ phiếu chưa niêm yết của các tổ chức tín dụng khác do Ngân hàng nắm giữ (Thuyết minh số 9.1)	(943)	-
	253.151	128.929

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

9. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (tiếp theo)

9.1 Cổ phiếu chưa niêm yết của các tổ chức tín dụng khác

	<i>DVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Giá trị các cổ phiếu chưa niêm yết của các tổ chức tín dụng khác	114.542	3.793
Dự phòng giảm giá cổ phiếu chưa niêm yết của các tổ chức tín dụng (*)	(943)	-
	<u>113.599</u>	<u>3.793</u>

(*): Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa được trích lập đầy đủ đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết của các tổ chức tín dụng khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 do thiếu thông tin đáng tin cậy về giá trị thị trường tham khảo của các cổ phiếu này và do Ngân hàng chưa có hệ thống nội bộ để xác định giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

9.2 Góp vốn, đầu tư dài hạn khác

	<i>Năm 2008</i>			<i>DVT: triệu đồng</i> <i>Năm 2007</i>		
	<i>Giá trị</i>	<i>% sở</i>		<i>Giá trị</i>	<i>% sở</i>	
	<i>theo</i>	<i>Giá trị</i>	<i>hữu của</i>	<i>theo</i>	<i>Giá trị</i>	<i>hữu của</i>
	<i>mệnh</i>	<i>ghi sổ</i>	<i>Ngân</i>	<i>mệnh</i>	<i>ghi sổ</i>	<i>Ngân</i>
	<i>giá</i>	<i>hàng</i>	<i>hàng</i>	<i>giá</i>	<i>hàng</i>	<i>hàng</i>
Công ty CP Kinh doanh Bất động sản – Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh	33.000	33.000	11,00%	660	660	11,00%
Công ty CP Hàng Không VietJet	30.000	30.000	5,00%	30.000	30.000	5,00%
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa	17.050	17.050	7,75%	13.200	13.200	11,00%
Công ty CP Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh	13.355	30.952	3,38%	12.156	22.801	6,08%
Công ty CP 3D	12.000	13.000	10,00%	9.000	9.800	9,00%
Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường	7.000	7.000	7,61%	7.000	7.000	7,60%
Công ty CP Phát triển Nhà Bắc Trung Nam	4.400	4.400	8,80%	4.400	4.400	8,80%
Công ty CP Thẻ và TD Ngân hàng	2.000	2.000	4,00%	2.000	2.000	4,00%
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Vàng Việt Nam	1.500	1.500	1,50%	-	-	-
Quỹ Bảo lãnh cho Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa	500	500	1,00%	500	500	1,00%
Công ty TNHH Đào tạo Nghiệp vụ Ngân hàng	150	150	5,15%	150	150	5,15%
Quỹ Đầu tư Việt Nam	-	-	-	24.000	24.000	5,22%
Công ty CP KCN và Dân cư Đức Hoà III	-	-	-	10.625	10.625	10,60%
	<u>120.955</u>	<u>139.552</u>		<u>113.691</u>	<u>125.136</u>	

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

9. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (tiếp theo)

9.2 Góp vốn, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

Các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn mà Ngân hàng có đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát trong các doanh nghiệp được đầu tư với số lượng đầu tư dưới 20% quyền biểu quyết và các khoản đầu tư vào các chứng khoán chưa niêm yết của các tổ chức tín dụng.

Ngân hàng chỉ xem xét trích lập các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn khác nếu các doanh nghiệp mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 13/2006/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 2 năm 2006.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

10.1 Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

ĐVT: triệu đồng

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	41.698	3.581	10.820	8.262	265	64.626
Mua trong kỳ	61.626	1.757	11.320	6.104	312	81.119
Thanh lý, nhượng bán	(50)	(72)	(1.019)	(111)	-	(1.252)
Số dư cuối kỳ	103.274	5.266	21.121	14.255	577	144.493
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	4.434	1.199	2.535	2.951	55	11.174
Khấu hao trong kỳ	1.569	562	1.920	2.697	79	6.827
Thanh lý, nhượng bán	(40)	(62)	(875)	(100)	-	(1.077)
Số dư cuối kỳ	5.963	1.699	3.580	5.548	134	16.924
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	37.264	2.382	8.285	5.311	210	53.452
Tại ngày cuối kỳ	97.311	3.567	17.541	8.707	443	127.569

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

Biến động của TSCĐ hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

ĐVT: triệu đồng

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	40.490	2.433	6.010	4.707	99	53.739
Mua trong kỳ	1.208	1.162	4.810	3.612	177	10.969
Thanh lý, nhượng bán	-	(14)	-	(57)	(11)	(82)
Số dư cuối kỳ	41.698	3.581	10.820	8.262	265	64.626
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	3.258	907	1.587	1.565	45	7.362
Khấu hao trong kỳ	1.176	306	948	1.427	17	3.874
Thanh lý, nhượng bán	-	(14)	-	(41)	(7)	(62)
Số dư cuối kỳ	4.434	1.199	2.535	2.951	55	11.174
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	37.232	1.526	4.423	3.142	54	46.377
Tại ngày cuối kỳ	37.264	2.382	8.285	5.311	210	53.452

10.1 TSCĐ hữu hình

Các thông tin khác về TSCĐ hữu hình

ĐVT: triệu đồng

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	<u>2.116</u>	<u>2.060</u>

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

10.2 TSCĐ vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm kế toán</i>	<i>DVT: triệu đồng</i> <i>Tổng số</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	12.212	1.102	13.314
Tăng trong kỳ	9.369	863	10.232
Số dư cuối kỳ	21.581	1.965	23.546
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	312	312
Chi phí trong kỳ	-	314	314
Số dư cuối kỳ	-	626	626
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	12.212	790	13.002
Số dư cuối kỳ	21.581	1.339	22.920

Biến động của TSCĐ vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm kế toán</i>	<i>DVT: triệu đồng</i> <i>Tổng số</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	8.625	649	9.274
Tăng trong kỳ	3.587	453	4.040
Số dư cuối kỳ	12.212	1.102	13.314
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	90	90
Chi phí trong kỳ	-	222	222
Số dư cuối kỳ	-	312	312
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	8.625	559	9.184
Số dư cuối kỳ	12.212	790	13.002

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (“XDCB”)

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Công trình nhà Phạm Ngọc Thạch	6.586	3.024
Công trình CN Tam Bình – Thủ Đức	6.561	141
Công trình trụ sở chính	3.575	-
Công trình nhà Đại Lộ Bình Dương	1.479	-
Công trình Triệu Nữ Vương – Đà Nẵng	477	477
Công trình PGD Hải Châu – Đà Nẵng	193	-
Công trình PGD Lê Duẩn – Đà Nẵng	-	270
Công trình nhà Hải Thượng Lãn Ông	-	993
Công trình CN Đà Nẵng	-	586
Công trình PGD Long Hậu	-	250
Công trình CN Phú Mỹ Hưng	-	237
Công trình PGD Ngô Gia Tự	-	230
Mua sắm TSCĐ (*)	198.017	40.704
Sửa chữa TSCĐ (**)	1.155	-
	218.043	46.912

(*): Mua sắm TSCĐ vào ngày 31 tháng 12 bao gồm:

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Mua sắm nhà, trụ sở	127.863	5.716
Mua sắm TSCĐ phục vụ cho phần mềm lõi đang được triển khai	69.166	33.514
Mua sắm tài sản khác	988	1.474
	198.017	40.704

(**) Sửa chữa TSCĐ vào ngày 31 tháng 12 bao gồm:

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Sửa chữa nhà	806	-
Sửa chữa tài sản khác	349	-
	1.155	-

12. CÁC KHOẢN LÃI VÀ PHÍ PHẢI THU

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Lãi tiền gửi bằng VNĐ	9.991	23.510
Lãi tiền gửi bằng ngoại tệ, vàng	507	1.107
Lãi từ chứng khoán đầu tư và giữ đến ngày đáo hạn	15.536	93.449
Lãi cho vay bằng VNĐ	37.196	87.916
Lãi cho vay bằng ngoại tệ, vàng	4.289	2.887
Giao dịch kỳ hạn	-	15
	67.519	208.884

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

13 TÀI SẢN CÓ KHÁC

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Chi phí chờ phân bổ (*)	10.814	10.693
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	4.182	3.075
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	3.985	9.929
Tài sản gán nợ chờ xử lý (**)	3.783	-
Đặt cọc mua cổ phiếu và trái phiếu	-	601.400
Cổ tức phải thu từ góp vốn mua cổ phần	-	700
Tài sản khác	2.541	514
	25.305	626.311

(*): Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí quảng cáo, chi mua công cụ lao động, sửa chữa tài sản cố định, chi phí thuê tài sản cố định và thuê đường truyền số liệu.

(**): Đây là tài sản thế chấp cho 2 hợp đồng tín dụng của Chi nhánh Đà Nẵng mà khách hàng không có khả năng chi trả. Các tài sản này đã được chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2008.

14. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Ngân hàng Phát triển Châu Á (*)	4.754	791
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (**)	92.866	-
	97.620	791

(*): Khoản vay theo dự án Tài chính Tín dụng Nhà ở do Ngân hàng Phát triển Châu Á tài trợ thông qua NHNN. Theo thỏa thuận ngày 16 tháng 1 năm 2006 và bản sửa đổi ngày 24 tháng 11 năm 2006 ký với NHNN, trị giá khoản vay là 30.000 triệu đồng, thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày 6 tháng 1 năm 2004, lãi suất vay được tính trên cơ sở lãi suất điều chỉnh vào cuối mỗi quý và tính theo phương pháp bình quân gia quyền của tất cả các loại tiền gửi có kỳ hạn trong hệ thống ngân hàng.

(**): Khoản vay theo dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn II do Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) tài trợ thông qua Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam. Theo thỏa thuận khung về cho vay lại ngày 1 tháng 11 năm 2007, Ngân hàng được vay để tài trợ cho các doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn phù hợp với các điều kiện quy định của dự án.

15. TIỀN GỬI CỦA CÁC TCTD KHÁC

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Tiền gửi KKH của các TCTD khác (<i>Thuyết minh số 15.1</i>)	5.883	869
Tiền gửi CKH của các TCTD khác (<i>Thuyết minh số 15.2</i>)	2.066.966	8.153.274
	2.072.849	8.154.143

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

15. TIỀN GỬI CỦA CÁC TCTD KHÁC (tiếp theo)

15.1 Tiền gửi KKH của các TCTD khác

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Tiền gửi KKH của các TCTD trong nước bằng VNĐ	527	33
Tiền gửi KKH của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	5.356	836
	<u>5.883</u>	<u>869</u>

15.2 Tiền gửi CKH của các TCTD khác

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Tiền gửi CKH của các TCTD có kỳ hạn dưới ba tháng		
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng VNĐ	1.872.000	6.080.500
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	25.466	223.084
	<u>1.897.466</u>	<u>6.303.584</u>
Tiền gửi CKH của các TCTD có kỳ hạn trên ba tháng		
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng VNĐ	169.500	1.665.000
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	-	184.690
	<u>169.500</u>	<u>1.849.690</u>
	<u>2.066.966</u>	<u>8.153.274</u>

Mức lãi suất tiền gửi cuối năm như sau:

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
	<i>lãi suất/năm</i>	<i>lãi suất/năm</i>
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng VNĐ	từ 4,40% đến 17,50%	từ 7,00% đến 11,64%
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	2,30%	từ 4,50% đến 5,50%

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

16. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

16.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Tiền gửi KKH		
Tiền gửi KKH bằng VNĐ	655.211	642.924
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng VNĐ	9.703	22.088
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	15.813	36.850
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng ngoại tệ	1.074	9.105
Tiền gửi CKH		
Tiền gửi CKH bằng VNĐ	1.481.047	1.240.369
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng VNĐ	1.473.997	1.106.275
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	6.380	-
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng ngoại tệ	262.501	67.710
Tiền ký quỹ		
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	22.421	24.679
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	9.402	41.133
Các khoản phải trả khách hàng khác		
Tiền gửi tiết kiệm khác	355.210	227.337
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VNĐ	18.348	121.425
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	25.776	-
	<u>4.336.883</u>	<u>3.539.895</u>

Mức lãi suất cuối năm của các khoản tiền gửi của khách hàng như sau:

	<u>Năm 2008</u> <i>lãi suất/năm</i>	<u>Năm 2007</u> <i>lãi suất/năm</i>
Tiền gửi KKH bằng VNĐ	tối đa 3,60%	tối đa 3,00%
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng VNĐ	tối đa 3,60%	tối đa 3,00%
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	từ 0,50% đến 1,50%	từ 1,00% đến 1,60%
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng ngoại tệ	từ 0,50% đến 1,50%	từ 1,00% đến 1,60%
Tiền gửi CKH bằng VNĐ	từ 5,50% đến 9,00%	từ 6,00% đến 9,70%
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng VNĐ	từ 5,50% đến 9,00%	từ 7,44% đến 9,72%
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	từ 2,50% đến 3,70%	từ 1,20% đến 4,90%
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng ngoại tệ	từ 3,00% đến 4,20%	từ 4,00% đến 5,50%

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND và ngoại tệ, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, nếu gửi dưới 1 tháng thì được hưởng lãi suất không kỳ hạn, nếu gửi từ 1 tháng trở lên thì được hưởng 70% lãi suất theo thẻ tiết kiệm, tính theo số ngày thực gửi.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

16. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

16.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Tiền gửi của cá nhân	2.107.961	1.434.323
Tiền gửi của tổ chức kinh tế		
Doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các đối tượng khác	1.907.423	1.652.360
Doanh nghiệp quốc doanh	310.847	444.744
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	10.652	8.468
	<u>4.336.883</u>	<u>3.539.895</u>

17. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Chứng chỉ tiền gửi		
Dưới 12 tháng	1.157.421	686.604
Từ 12 tháng đến 2 năm	107.440	74.182
	<u>1.264.861</u>	<u>760.786</u>

Chứng chỉ tiền gửi của Ngân hàng phát hành là các chứng chỉ tiền gửi bằng Việt Nam đồng, bằng ngoại tệ và chứng chỉ gửi vàng có kỳ hạn từ 1 tháng đến 2 năm. Tiền lãi của chứng chỉ gửi vàng được trả cuối kỳ đối với loại kỳ hạn 1 đến 3 tháng và được trả mỗi 3 tháng đối với các kỳ hạn từ 6 tháng trở lên.

Mức lãi suất cuối năm của các khoản chứng chỉ tiền gửi của khách hàng như sau:

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
	<i>lãi</i>	<i>lãi</i>
	<i>suất/năm</i>	<i>suất/năm</i>
Chứng chỉ tiền gửi bằng VNĐ	từ 9,90% đến 11,96%	-
Chứng chỉ tiền gửi bằng ngoại tệ	từ 3,50% đến 5,95%	-
Chứng chỉ gửi vàng	từ 2,00% đến 4,60%	từ 1,80% đến 2,40%

Đối với chứng chỉ gửi vàng, nếu tắt toán trước hạn, khách hàng không được hưởng lãi.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

18. CÁC KHOẢN LÃI, PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng VNĐ	35.138	22.779
Lãi phải trả tiền gửi bằng VNĐ	22.147	106.092
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá bằng VNĐ	15.986	-
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá bằng vàng	4.119	1.381
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ	1.759	725
Lãi phải trả cho tiền vay bằng VNĐ	1.177	1
Lãi phải trả tiền gửi bằng ngoại tệ	69	2.764
	80.395	133.742

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Thuế TNDN phải trả (<i>Thuyết minh số 20</i>)	11.254	14.998
Tiền giữ hộ và chờ thanh toán	10.726	79.948
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	2.409	237
Cổ tức phải trả	765	50.289
Các khoản phải trả cán bộ, nhân viên	302	932
Chuyển tiền phải trả	253	1.725
Các loại thuế khác phải trả (<i>Thuyết minh số 20</i>)	141	592
Lãi nhận trước	37	4.109
Tiền đăng ký mua cổ phần của Ngân hàng	7	332.256
Lãi của khoản tiền đăng ký mua cổ phần của Ngân hàng	1	2.101
Thanh toán giữa các TCTD	-	221
Các khoản phải trả khác	5.967	1.601
	31.862	489.009

20. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>			
	<i>Số dư đầu kỳ</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>		<i>Số dư cuối kỳ</i>
		<i>Số phải nộp</i>	<i>Số đã nộp</i>	
Thuế GTGT	285	3.352	3.662	(25)
Thuế GTGT dịch vụ	144	1.361	1.540	(35)
Thuế GTGT kinh doanh vàng, ngoại tệ	141	1.991	2.122	10
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.998	20.741	24.485	11.254
Các loại thuế khác	307	2.804	2.945	166
Thuế thu nhập cá nhân	309	2.152	2.295	166
Thuế môn bài	(2)	35	33	-
Thuế nhà thầu	-	617	617	-
	15.590	26.897	31.092	11.395

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

20. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 28% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Tổng lợi nhuận trước thuế	80.275	167.555
<i>Trừ:</i>		
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(9.084)	(2.663)
<i>Cộng:</i>		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.641	-
Chi phí không được khấu trừ	1.244	1.488
Thu nhập chịu thuế TNDN	74.076	166.380
Chi phí thuế TNDN phát sinh trong kỳ	20.741	46.586
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	14.998	9.476
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(24.485)	(41.064)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	11.254	14.998

20.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Khoản thuế thu nhập hoãn lại được Ngân hàng ghi nhận, và sự biến động trong tài khoản thuế thu nhập hoãn lại trong năm trước và năm hiện tại được trình bày dưới đây.

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số dư đầu kỳ</i>	<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	410	410	-
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			410	-

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

21. Vốn và quỹ

21.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong năm 2008 được thể hiện trong bảng dưới đây:

ĐVT: triệu đồng

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Quỹ dự trữ cổ tức	Quỹ HDQT, Ban TGD	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	500.000	119.777	13.224	7.144	2.106	7.338	176	90.969	740.734
Tăng trong kỳ									
Tăng vốn bằng tiền	881.785	4.043	-	-	-	-	-	-	885.828
Tăng vốn từ thặng dư vốn	119.777	(119.777)	-	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập cổ tức đã công bố năm 2006	-	-	-	-	-	-	-	48.438	48.438
Tăng vốn từ lợi nhuận để lại	48.438	-	-	-	-	-	-	(48.438)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	59.944	59.944
Giảm trong kỳ									
Trích các quỹ cho kỳ trước	-	-	11.463	6.033	10.319	10.854	2.000	(40.669)	-
Sử dụng trong kỳ	-	-	-	-	(9.877)	-	(2.176)	(300)	(12.353)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	(50.000)	(50.000)
Số dư cuối kỳ	1.550.000	4.043	24.687	13.177	2.548	18.192	-	59.944	1.672.591

Ngân hàng chưa trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2008 theo qui định. Việc trích lập các quỹ dự trữ theo qui định sẽ được thực hiện sau khi có sự thông qua của các cổ đông tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

21. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

21.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn (tiếp theo)

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong năm 2007 được thể hiện trong bảng dưới đây:

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>								
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>Quỹ dự trữ cổ tức</i>	<i>Quỹ HĐQT, TGD</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu kỳ	500.000	119.777	6.776	3.750	832	4.544	75	67.878	703.632
Tăng trong kỳ									
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	120.969	120.969
Giảm trong kỳ									
Trích các quỹ cho kỳ trước	-	-	6.448	3.394	5.804	2.794	1.000	(19.440)	-
Chia cổ tức kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	(48.438)	(48.438)
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	(30.000)	(30.000)
Sử dụng trong kỳ	-	-	-	-	(4.530)	-	(899)	-	(5.429)
Số dư cuối kỳ	500.000	119.777	13.224	7.144	2.106	7.338	176	90.969	740.374

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

21. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

21.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn (tiếp theo)

Trong năm 2008, vốn cổ phần của Ngân hàng đã được tăng lên từ 500 tỷ đồng lên 1.550 tỷ đồng từ việc đóng góp của cổ đông bằng tiền và bằng chia cổ tức và thặng dư vốn cổ phần tuân theo Công văn số 931/NHNN-HCM.02 do NHNN cấp ngày 25 tháng 06 năm 2007 và Công văn số 1682/NHNN-HCM.02 cấp ngày 25 tháng 9 năm 2008.

Chi tiết phân vốn cổ phần của Ngân hàng như sau:

	Năm 2008		Năm 2007	
	Tổng số	Vốn CP thường	Tổng số	Vốn CP thường
Vốn góp	1.550.000	1.550.000	500.000	500.000
Thặng dư vốn cổ phần	4.043	4.043	119.777	119.777
	1.554.043	1.554.043	619.777	619.777

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Năm 2008 đơn vị	Năm 2007 đơn vị
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông	155.000.000 155.000.000	50.000.000 50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	155.000.000 155.000.000	50.000.000 50.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VNĐ)	10.000	10.000

21.2 Quỹ của TCTD

Trong năm 2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2005. Theo Nghị định 146/2005/NĐ-CP, các ngân hàng thương mại cổ phần phải trích lập quỹ dự trữ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

21. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

21.2 Quỹ của TCTD (tiếp theo)

Các quỹ sau đây được tính theo phần trăm lợi nhuận sau thuế sau khi đã trừ đi phần trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (lợi nhuận sau thuế còn lại).

	<i>Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế còn lại</i>	<i>Mức tối đa</i>
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế còn lại	25% vốn điều lệ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Theo quyết định của Hội đồng Quản trị	Không quy định
Các quỹ khác	Theo quyết định của Hội đồng Quản trị	Không quy định

Việc sử dụng các quỹ dự trữ này tuân theo Nghị định 146/2005/NĐ-CP.

22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Lợi nhuận thuần sẵn sàng có thể để chia cho các cổ đông của Ngân hàng (triệu đồng)	59.944	120.969
Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu (triệu đồng)	59.944	120.969
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (triệu cổ phiếu)	101	50
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	<u>594</u>	<u>2.419</u>

Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng dùng để tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu là lợi nhuận sau thuế chưa loại trừ số tiền sẽ được dùng để trích lập các quỹ dự trữ theo qui định và theo chính sách của Ngân hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 21.2.

23. CỔ TỨC

Vào ngày 16 tháng 1 năm 2009, Hội đồng Quản trị của Ngân hàng đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2008 với tỉ lệ 6% trên vốn điều lệ tính theo thời gian thực tế. Theo đó, thời gian chi trả cổ tức bắt đầu từ ngày 21 tháng 1 năm 2009.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

24. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	818.936	424.491
Thu nhập lãi tiền gửi	141.358	144.887
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	62.626	127.850
Thu khác từ hoạt động tín dụng	61.954	121
	1.084.874	697.349

25. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Trả lãi tiền gửi	854.804	472.193
Trả lãi tiền vay	58.699	6.796
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	55.941	5.402
Chi phí hoạt động tín dụng khác	1.235	2.357
	970.679	486.748

26. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán	7.545	5.244
Dịch vụ tư vấn	1.715	5
Nghịệp vụ ủy thác và đại lý	841	965
Nghịệp vụ chiết khấu	65.302	44.806
Nghịệp vụ bảo lãnh	2.311	1.944
Dịch vụ ngân quỹ	1.072	709
Thu phí dịch vụ tín dụng	1.237	1.859
Bảo quản tài sản	1	3
	80.024	55.535
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Chi về dịch vụ thanh toán	(1.748)	(778)
Chi về dịch vụ tư vấn	(488)	(268)
Chi về nghịệp vụ ủy thác và đại lý	(409)	(50)
Cước phí bưu điện về mạng viễn thông	(2.939)	(770)
Bảo vệ tiền	(792)	(556)
Kiểm đếm, phân loại và đóng gói tiền	(355)	(135)
Vận chuyển, bóc xếp tiền	(35)	(13)
Chi phí hoa hồng môi giới	(22)	(46)
Chi khác	(390)	(288)
	(7.178)	(2.904)
	72.846	52.631

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

27. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh vàng	12.441	3.594
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	532.833	2.327
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	4.982	196
	550.256	6.117
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh vàng	(864)	(190)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(528.846)	(136)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(4.823)	(185)
	(534.533)	(511)
	15.723	5.606

28. LỖ THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Thu nhập từ mua bán trái phiếu LILAMA	12.141	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(17.820)	(5.400)
	(5.679)	(5.400)

29. LÃI THUẬN TỪ MUA BÁN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Thu từ bán các khoản đầu tư dài hạn khác	50.000	-
Giá gốc của đầu tư dài hạn khác	(42.625)	-
	7.375	-

30. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Thu nhập từ hoạt động khác		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	425	-
Thu nhập khác	599	2.556
	1.024	2.556
Chi phí hoạt động khác		
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	(20)
Chi phí khác	(165)	(22)
	(165)	(42)
	859	2.514

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

31. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Cổ tức của chứng khoán Vốn	1.080	900
Cổ tức của góp vốn, đầu tư dài hạn	5.944	2.663
Cổ phiếu thưởng nhận được	2.060	-
	<u>9.084</u>	<u>3.563</u>

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Chi phí thuê văn phòng	16.703	6.949
Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân, khánh tiết	8.747	5.332
Chi phí quản lý chung	4.958	2.830
Chi phí công cụ lao động và dụng cụ	2.792	2.207
Chi phí sửa chữa và nâng cấp tài sản	2.770	1.793
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	2.610	1.091
Chi phí thuế khác và phí	2.551	778
Chi phí vật liệu giấy tờ in	2.018	1.214
Chi công tác phí	1.852	1.325
Chi phí thông tin liên lạc	1.446	866
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	943	-
Chi phí bảo hiểm tài sản của Ngân hàng	453	253
Chi phí đào tạo	107	584
Chi phí khác	8.524	5.724
	<u>56.474</u>	<u>30.946</u>

33. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán sau đây:

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Tiền mặt bằng VNĐ	54.486	24.823
Tiền mặt bằng ngoại tệ	20.754	10.845
Vàng tiền tệ	60.070	283.884
Tiền gửi thanh toán tại NHNN	382.124	388.351
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác	61.043	114.928
Tiền gửi CKH tại các TCTD khác có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba tháng	1.474.740	1.273.399
	<u>2.053.217</u>	<u>2.096.230</u>

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

34. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	<i>Thực tế phát sinh năm 2008</i>	<i>Thực tế phát sinh năm 2007</i>
I. Số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	783	668
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương đã chi	56.181	42.208
2. Tiền ăn trưa	3.755	1.890
3. Tổng thu nhập (1+2)	59.936	44.098
4. Tiền lương bình quân tháng (triệu đồng/người)	5,5	4,9
5. Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng/người)	5,9	5,1

35. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẾ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>DVT: triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Bất động sản	9.066.330	9.190.652
Động sản	4.403.823	565.022
Chứng từ có giá	2.113.916	6.068.086
Tài sản đảm bảo khác	921.686	995.244
	16.505.755	16.819.004

36. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

36. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA (tiếp theo)

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra vào ngày 31 tháng 12 như sau:

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Thư tín dụng		
Thư tín dụng trả ngay	23.447	174.146
Thư tín dụng trả chậm	16.401	115.423
	39.848	289.569
Bảo lãnh tài chính	129.484	158.389
	169.332	447.958
<i>Trừ:</i> giá trị ký quỹ bảo lãnh	(22.610)	(57.300)
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	146.722	390.658

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - có vốn góp vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng; và
 - có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh mà Ngân hàng là một bên liên doanh;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Ngân hàng hoặc công ty mẹ của nó;
- (d) Bên liên quan là thành viên trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); và
- (e) Bên liên quan là một Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

DVT: triệu đồng

<i>Bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Phải thu (Phải trả)</i>	
Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn	Cổ đông	Tiền gửi thanh toán	-	(2.356)
		Tiền gửi vốn chuyên dùng	-	(1.236)
		Tiền gửi kỳ quỹ	-	(112)
Quý Đầu Tư Phát triển Đô thị Thành Phố Hồ Chí Minh	Cổ đông	Tiền gửi thanh toán	-	(4.684)
Công ty CP Đầu tư Bắc Hà	Cổ đông	Tiền vay	29.420	-
		Tiền gửi thanh toán	-	(235)
Công ty CP Phát triển Nhà Bắc Trung Nam	Đầu tư, góp vốn mua cổ phần	Tiền vay	4.048	-
		Tiền gửi thanh toán	-	(5.715)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa	Cổ đông	Tiền vay	32.218	-
		Tiền gửi thanh toán	-	(25)

Chi tiết giao dịch lớn với các bên liên quan trong năm như sau:

DVT: triệu đồng

<i>Bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn	Cổ đông	Gửi tiền vào TK tiền gửi thanh toán	509	25.737
		Rút tiền từ TK tiền gửi thanh toán	1.100	24.987
		Gửi tiền vào TK tiền gửi vốn chuyên dùng	4.895	1
		Rút tiền từ TK tiền gửi vốn chuyên dùng	3.664	160
Quý Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Cổ đông	Gửi tiền vào TK tiền gửi thanh toán	5.377.885	1.450.566
		Rút tiền từ TK tiền gửi thanh toán	5.423.507	1.403.367
		Gửi tiền vào TK tiền gửi vốn chuyên dùng	45	131.894
		Rút tiền từ TK tiền gửi vốn chuyên dùng	89.884	42.055
Công ty CP Đầu tư Bắc Hà	Cổ đông	Gửi tiền vào TK tiền gửi thanh toán	269.172	2.512
		Rút tiền từ TK tiền gửi thanh toán	268.945	2.511
Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức	Cổ đông	Gửi tiền vào TK tiền gửi thanh toán	-	58.695
		Rút tiền từ TK tiền gửi thanh toán	-	59.115
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	Cổ đông	Gửi tiền vào TK tiền gửi thanh toán	-	30.591
		Rút tiền từ TK tiền gửi thanh toán	-	82.932
Công ty Tài chính Dầu khí	Cổ đông	Gửi tiền vào TK tiền gửi có kỳ hạn	-	100.000

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết giao dịch lớn với các bên liên quan trong năm như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Công ty TNHH một thành viên Phát triển & Kinh doanh nhà	Cổ đồng	Gửi tiền vào TK tiền gửi thanh toán	-	379.904
		Rút tiền từ TK tiền gửi thanh toán	-	373.517
		Gửi tiền vào TK tiền gửi vốn chuyên dùng	-	56
		Gửi tiền vào TK tiền gửi có kỳ hạn	-	132.000
Công ty CP Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh	Đầu tư, góp vốn mua cổ phần	Gửi tiền vào TK tiền gửi thanh toán	-	2.967.584
		Rút tiền từ TK tiền gửi thanh toán	-	2.937.719
		Gửi tiền vào TK tiền gửi vốn chuyên dùng	-	595.565
		Rút tiền từ TK tiền gửi vốn chuyên dùng	-	596.051
		Gửi tiền vào TK tiền gửi có kỳ hạn	-	290.000
Công ty CP KCN & DC Đức Hòa III	Đầu tư, góp vốn mua cổ phần	Gửi tiền vào TK tiền gửi thanh toán	-	125.168
		Rút tiền từ TK tiền gửi thanh toán	-	132.284
		Gửi tiền vào TK tiền gửi có kỳ hạn	-	13.000
Công ty CP Phát triển nhà Bắc Trung Nam	Đầu tư, góp vốn mua cổ phần	Gửi tiền vào TK tiền gửi thanh toán	54.611	115.368
		Rút tiền từ TK tiền gửi thanh toán	50.514	115.659
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa	Đầu tư, góp vốn mua cổ phần	Gửi tiền vào TK tiền gửi thanh toán	21.702	21.574
		Rút tiền từ TK tiền gửi thanh toán	22.992	20.552
		Gửi tiền vào TK tiền gửi có kỳ hạn	25	611
		Rút tiền gửi từ TK tiền gửi có kỳ hạn	636	-
Công ty CP Công nghiệp Vĩnh Tường	Đầu tư, góp vốn mua cổ phần	Gửi tiền vào TK tiền gửi thanh toán	-	338.943
		Rút tiền từ TK tiền gửi thanh toán	-	335.555

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết giao dịch lớn với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
			<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Quỹ Bảo lãnh Tín dụng Thành Phố Hồ Chí Minh	Đầu tư, góp vốn mua cổ phần	Gửi tiền vào TK tiền gửi thanh toán	-	46.356
		Rút tiền từ TK tiền gửi thanh toán	-	45.439
Công ty Cổ Phần 3D	Đầu tư, góp vốn mua cổ phần	Gửi tiền vào TK tiền gửi thanh toán	-	130.884
		Rút tiền từ TK tiền gửi thanh toán	-	112.623
		Gửi tiền vào TK tiền gửi vốn chuyên dùng	-	7
		Rút tiền từ TK tiền gửi vốn chuyên dùng	-	257
		Gửi tiền vào TK tiền gửi có kỳ hạn	-	7.071
Công ty Cổ Phần Hàng không VIETJET	Đầu tư, góp vốn mua cổ phần	Gửi tiền vào TK tiền gửi thanh toán	-	281.206
		Rút tiền từ TK tiền gửi thanh toán	-	280.648
		Gửi tiền vào TK tiền gửi có kỳ hạn	-	40.000
Công ty Cổ Phần HDREAL	Đầu tư, góp vốn mua cổ phần	Gửi tiền vào TK tiền gửi thanh toán	-	2.026
		Rút tiền từ TK tiền gửi thanh toán	-	55
Phạm Văn Đẩu	Trưởng phòng kế hoạch của Ngân hàng	Mua chứng khoán	32.000	-
		Tiền vay	32.000	-

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

38. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

38.1 Rủi ro lãi suất

Phân loại tài sản và nợ phải trả theo sự thay đổi lãi suất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	ĐVT: triệu đồng	
								Trên 5 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN									
Tiền mặt, vàng	-	135.310	-	-	-	-	-	-	135.310
Tiền gửi tại NHNN	-	-	382.124	-	-	-	-	-	382.124
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	-	-	1.434.609	257.939	137.620	50.000	59.587	-	1.939.755
Cho vay khách hàng	115.205	-	1.258.822	669.528	419.697	690.682	1.692.489	1.328.981	6.175.404
Chứng khoán đầu tư	-	-	-	1.663	-	15.000	257.026	-	273.689
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	254.094	-	-	-	-	-	-	254.094
Tài sản cố định	-	150.489	-	-	-	-	-	-	150.489
Tài sản có khác	-	311.277	-	-	-	-	-	-	311.277
TỔNG TÀI SẢN	115.205	851.170	3.075.555	929.130	557.317	755.682	2.009.102	1.328.981	9.622.142
NỢ PHẢI TRẢ									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	-	-	32.057	65.563	97.620
Tiền gửi của các TCTD khác	-	-	1.427.883	475.466	-	169.500	-	-	2.072.849
Tiền gửi của khách hàng	-	-	2.029.764	658.645	267.682	1.262.184	118.608	-	4.336.883
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	570.015	510.121	124.208	57.228	3.289	-	1.264.861
Các khoản nợ khác	-	113.113	-	-	-	-	-	-	113.113
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	-	113.113	4.027.662	1.644.232	391.890	1.488.912	153.954	65.563	7.885.326
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	115.205	738.057	(952.107)	(715.102)	165.427	(733.230)	1.855.148	1.263.418	1.736.816
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các Tài sản và công nợ (ròng)	-	169.332	-	-	-	-	-	-	169.332
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	115.205	907.389	(952.107)	(715.102)	165.427	(733.230)	1.855.148	1.263.418	1.906.148

Ghi chú: tổng tài sản thể hiện giá trị gộp và chưa loại trừ phần dự phòng rủi ro tín dụng và giảm giá chứng khoán.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

38. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

38.2 Rủi ro tiền tệ

Phân loại tài sản và nợ phải trả theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	<i>EUR được quy đổi</i>	<i>USD được quy đổi</i>	<i>Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi</i>	<i>Các ngoại tệ khác được quy đổi</i>	<i>ĐVT: triệu đồng</i> <i>Tổng cộng</i>
TÀI SẢN					
Tiền mặt, vàng	609	20.145	60.070	-	80.824
Tiền gửi tại NHNN	-	24.272	-	-	24.272
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	1.522	50.047	141.760	114	193.443
Cho vay khách hàng	883	337.581	564.338	-	902.802
Tài sản có khác	6	17.379	2.821	-	20.206
TỔNG CỘNG	3.020	449.424	768.989	114	1.221.547
Nợ phải trả					
Tiền gửi của các TCTD khác	-	30.822	-	-	30.822
Tiền gửi của khách hàng	2.651	318.296	-	-	320.947
Phát hành giấy tờ có giá	-	89.660	753.903	-	843.563
Các khoản nợ khác	7	2.387	14.988	-	17.382
TỔNG CỘNG	2.658	441.165	768.891	-	1.212.714
Trạng thái tiền tệ nội bảng	362	8.259	98	114	8.833
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	362	8.259	98	114	8.833

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Trong năm vừa qua, tỷ giá giữa VNĐ và đô la Mỹ có dao động trong biên độ rộng (có thời điểm lên tới 9%). Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VNĐ, một phần bằng đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VNĐ và đô la Mỹ. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

38. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

38.3 Rủi ro thanh khoản

Phân loại tài sản và nợ phải trả theo thời gian đáo hạn còn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

ĐVT: triệu đồng

	<i>Quá hạn</i>		<i>Trong hạn</i>				<i>Tổng cộng</i>	
	<i>Trên 3 tháng</i>	<i>Đến 3 tháng</i>	<i>Đến 1 tháng</i>	<i>Từ 1 đến 3 tháng</i>	<i>Từ 3 đến 12 tháng</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>		<i>Trên 5 năm</i>
TÀI SẢN								
Tiền mặt, vàng	-	-	135.310	-	-	-	-	135.310
Tiền gửi tại NHNN	-	-	382.124	-	-	-	-	382.124
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	-	-	1.434.609	257.939	187.620	59.587	-	1.939.755
Cho vay khách hàng	54.508	60.697	1.258.822	669.527	1.110.380	1.692.489	1.328.981	6.175.404
Chứng khoán đầu tư	-	-	-	1.663	15.000	257.026	-	273.689
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	254.094	-	254.094
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	150.489	150.489
Tài sản có khác	-	-	48.370	1.724	2.115	41.025	218.043	311.277
TỔNG TÀI SẢN	54.508	60.697	3.259.235	930.853	1.315.115	2.304.221	1.697.513	9.622.142
NỢ PHẢI TRẢ								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	-	32.057	65.563	97.620
Tiền gửi của các TCTD khác	-	-	1.427.883	475.466	169.500	-	-	2.072.849
Tiền gửi của khách hàng	-	-	2.029.764	658.645	1.529.866	118.608	-	4.336.883
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	570.014	510.121	181.437	3.289	-	1.264.861
Các khoản nợ khác	-	-	55.361	32.151	22.618	2.983	-	113.113
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	-	-	4.083.022	1.676.383	1.903.421	156.937	65.563	7.885.326
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	54.508	60.697	(823.787)	(745.530)	(588.306)	2.147.284	1.631.950	1.736.816

Ghi chú: tổng tài sản thể hiện giá trị gộp và chưa loại trừ phần dự phòng rủi ro tín dụng và giảm giá chứng khoán.

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

38. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

38.3 *Rủi ro thanh khoản* (tiếp theo)

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng.
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi tại các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn. Ngoài ra, các khoản cho vay khách hàng được thể hiện bằng giá trị không tính đến dự phòng rủi ro.
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn được coi là hơn một năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.
- Thời gian đến hạn của các khoản dự thu lãi được giả định là sẽ đáo hạn trong vòng một tháng.

39. CAM KẾT VỐN VÀ THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang	56.963	52.981
<i>Trong đó:</i>		
<i>đến hạn trong 1 năm</i>	11.312	3.759
<i>đến hạn từ 2 đến 5 năm</i>	38.882	38.644
<i>đến hạn sau 5 năm</i>	6.769	10.578

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

40. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Vào ngày 16 tháng 1 năm 2009, Hội đồng Quản trị của Ngân hàng đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2008 với tỉ lệ 6% trên vốn cổ phần. Theo đó, thời gian chi trả cổ tức bắt đầu từ ngày 21 tháng 1 năm 2009. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, toàn bộ số cổ tức của năm 2008 đã được chi trả cho cổ đông của Ngân hàng.

41. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VNĐ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	ĐVT: đồng	
	Năm 2008	Năm 2007
USD	16.977	16.114
EUR	24.435	23.405
JPY	191,7	142
AUD	11.935	14.004
Vàng SJC (lượng)	17.720.000	16.060.000

42. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Tổng Giám đốc theo Ủy quyền phê duyệt ngày 26 tháng 2 năm 2009 để phát hành vào ngày 12 tháng 3 năm 2009.

Người lập:

Bà Trịnh Thu Thảo
Phó phòng Kế toán Tài chính

Người phê duyệt:

Bà Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán Trưởng Kiểm
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Hữu Đăng
Phó Tổng Giám đốc

(*) Theo Ủy quyền số 61/2009/QĐ-CTHĐQT ngày 26 tháng 2 năm 2009 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2009